

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 20-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Võ Cư

+ Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thái, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tụ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1999, tại Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Thợ sắt;

Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Văn L, sinh năm 1953 và bà Lê Thị P, sinh năm 1955;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 07/02/2024 bị Công an phường N, thị xã Đ xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đã chấp hành nộp phạt xong ngày 21/02/2024;

Nhân thân: Ngày 15/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đ) xử phạt 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai)

năm về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 30/01/2018 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 06/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Duy T1, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1998, tại Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Nông;

Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1978;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 24/12/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2023 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đ) xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm về tội “Trộm cắp tài sản”; đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 15/01/2019 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 06/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2003, tại Đ, Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nghề nghiệp: Thợ mộc;

Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1973 và bà Phan Thị Mỹ T3, sinh năm 1975;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 06/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phan Thị Mỹ T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 22/02/2024, Trần Văn T nhắn tin với Nguyễn Hữu K1 qua ứng dụng messenger trao đổi về việc tìm chỗ mua ma túy để sử dụng. K1 nói với T có biết chỗ mua ma túy “Cỏ mỹ” ở xã P, thị xã Đ; T nói với K1 đến đón T đi mua ma túy. Cũng trong khoảng thời gian này, T và Nguyễn Duy T1 nhắn tin trao đổi về việc mua ma túy về sử dụng, T nói T1 đưa tiền để T đi mua.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, T1 đến nhà T thuộc tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ và đưa cho T 200.000đồng để T đi mua ma túy, còn T1 ở nhà T đợi.

Sau đó, T đi bộ xuống gần gác chắn đường tàu hỏa thì gặp K1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76H1-008.77 đi đến, rồi K1 chở T đi mua ma túy. Trên đường đi, cả hai vào tiệm tạp hóa mua 01 gói thuốc Caraven Demi với số tiền 13.000đồng, T đưa cho K1 số tiền 87.000đồng, rồi cả hai tiếp tục đi đến khu vực trước cây xăng Đ, thuộc xã P, thị xã Đ. Tại đây, K1 điện thoại qua ứng dụng messenger cho người có tên “P” trao đổi về việc mua ma túy. Sau đó, có 01 thanh niên đeo khẩu trang đi xe mô tô đến giao cho K1 02 túi nilông chứa ma túy cỏ, K1 đưa cho người này số tiền 87.000đồng. Trên đường đi về, K1 chở T rẽ vào khu dân cư B thuộc phường P, thị xã Đ. Tại đây, K1 lấy 01 túi nilông chứa ma túy cỏ mở ra, lấy điều thuốc hiệu Caraven Demi bỏ phần ruột ra, rồi nhét ma túy cỏ vào, đưa điều thuốc và bật lửa cho T đốt lên, rồi cả hai cùng sử dụng hết điều thuốc này. Tiếp tục lấy ma túy cỏ nhét vào 01 điều thuốc nữa rồi xin T mang về để sử dụng riêng, đưa cho T 01 túi nilông đã xé miệng và 01 túi nilông còn nguyên chứa ma túy cỏ bên trong. Sau đó, K1 chở T đến gác chắn tàu hỏa thuộc phường P, thị xã Đ thì T xuống xe đi bộ về, còn K1 về nhà, một mình sử dụng hết điều thuốc chứa ma túy cỏ nêu trên.

Sau khi mang ma túy về nhà, T đưa lại cho T1 100.000đồng, rồi cùng với T1 đổ túi ma túy trong túi nilông đã xé miệng vào vỏ mũ bảo hiểm, trộn với sợi thuốc lá, rồi nhét lại vào điều thuốc hiệu Caraven Demi, nhét xong, cả hai cùng luân phiên sử dụng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị Công an phường P phát hiện, lập biên bản vụ việc.

Tại Kết luận giám định số 1873/KL-KTHS ngày 27/3/2024 của V Bộ C kết luận:

- Điều tìm thấy chất ma túy MDMA-4en-PINACA trong các mẫu thảo mộc khô gửi giám định; tổng khối lượng chất ma túy là 2,068mg.

- Điều tìm thấy chất ma túy MDMA-4en-PINACA và các sản phẩm chuyển hóa của MDMA-4en-PINACA trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Duy T1, Trần Văn T, Nguyễn Hữu K1 gửi giám định.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-ĐP ngày 16/8/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố: Trần Văn T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Duy T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Duy T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;
- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;
- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) vỏ mũ bảo hiểm màu trắng, đã gỡ bỏ phần nệm bên trong; 01 (một) bật lửa ga màu xanh có chữ VIVA, đã qua sử dụng; 01 (một) điều thuốc hiệu CARAVEN DEMI đã sử dụng một nửa, cháy xém phần đầu; 01 (một) gói thuốc hiệu CARAVEN DEMI, bên trong có 08 (tám) điều thuốc chưa sử dụng.
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy T1 số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản vụ việc ngày 22/02/2024, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Ngày 22/02/2024 Trần Văn T đã cùng với Nguyễn Hữu K1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại Khu dân cư B, thuộc phường P, thị xã Đ. Sau đó, T về nhà thuộc tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ và cùng với bị cáo Nguyễn Duy T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T.

[3] Tại thời điểm thực hiện các hành vi nêu trên thì các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Duy T1 đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, các bị cáo đều nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[3] Xét hành vi và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Trần Văn T, là người đi mua ma túy cùng với Nguyễn Hữu K1 và cùng với K1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại Khu dân cư B, thuộc phường P, thị xã Đ. Sau đó, T về nhà thuộc tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ và cùng với bị cáo Nguyễn Duy T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Văn T thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.2] Nguyễn Duy T1, là người cung cấp tiền cho Trần Văn T đi mua ma túy, sau đó cùng với T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của T. Việc T cùng với Nguyễn Hữu K1 đi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với K1 tại Khu dân cư B, thuộc phường P, thị xã Đ thì T1 hoàn toàn không biết. Nguyễn Hữu K1, là người chở Trần Văn T đi mua ma túy và cùng với T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại Khu dân cư B, thuộc phường P, thị xã Đ. Việc Nguyễn Duy T1 đưa tiền cho Trần Văn T đi mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với T tại nhà của T thì K1 cũng hoàn toàn không biết. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về sử

dụng chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 24/12/2021 bị cáo Nguyễn Duy T1 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2023 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (ngày 22/02/2024) thì bị cáo T1 chưa được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự nên hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy T1 thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1. Các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hữu K1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1 thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự của người công dân với đất nước và có chú ruột (ông Trần N) là Liệt sĩ nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[10] Đối với số ma túy thu giữ tại hiện trường: Quá trình điều tra, có căn cứ xác định số ma túy thu giữ tại hiện trường là do bị cáo Nguyễn Duy T1 đưa tiền cho bị cáo Trần Văn T mua về để sử dụng. Do khối lượng chất ma túy MDMA-PINACA thu giữ tại hiện trường chỉ có 2,068mg, không đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đồng thời, các bị cáo cũng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, không có căn cứ xử lý các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[11] Đối với người tên “*Phúc Lộc*” đã bán ma túy cho Trần Văn T và Nguyễn Hữu K1: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) túi ni lông trong suốt, bên trong chứa thảo mộc khô cắt nhỏ và 01 (một) túi ni lông trong suốt viền đỏ, bên trong chứa thảo mộc khô cắt nhỏ (được niêm phong theo quy định). Đây là số ma túy thu giữ của các bị cáo trong quá trình tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đã được sử dụng hết trong quá trình giám định.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha MIO ULTIMO biển kiểm soát 76H1-008.77. Đây là tài sản thuộc sở hữu của bà Phan Thị Mỹ T3. Việc bị cáo K1 sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy thì bà T3 không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trả lại xe mô tô trên cho bà T3 là phù hợp.

- Đối với: 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, đã gỡ bỏ phần nệm bên trong; 01 (một) bật lửa ga màu xanh, có chữ VIVA, đã qua sử dụng; 01 (một) điều thuốc hiệu CARAVEN DEMI đã qua sử dụng; 01 (một) gói thuốc hiệu CARAVEN DEMI, bên trong có 08 (tám) điều thuốc chưa qua sử dụng. Đây là những vật chứng các bị cáo sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi của Nguyễn Duy T1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo của Trần Văn T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone của Nguyễn Hữu K1. Đây là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo Nguyễn Duy T1, Trần Văn T và Nguyễn Hữu K1, được các bị cáo sử dụng để liên lạc hằng ngày. Ngoài ra, còn được các bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 22/02/2024 nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Nguyễn Duy T1. Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo Nguyễn Duy T1, không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà các bị cáo đã thực hiện nên cần trả lại cho bị cáo T1.

[13] Về căn cứ truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/5/2024).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/5/2024).

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu K1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu K1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/5/2024).

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi (được đựng bên trong 01 (một) bì niêm phong có chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI”, “CÔNG AN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ”, có chữ ký giáp lai của Võ Tấn T4, Huỳnh Thanh T5, Nguyễn Duy T1 và hình dấu Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo (được đựng bên trong 01 (một) bì niêm phong có chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI”, “CÔNG AN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ”, có chữ ký giáp lai của Võ Tấn T4, Huỳnh Thanh T5, Trần Văn T và hình dấu Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone (được đựng bên trong 01 (một) bì niêm phong có chữ “CÔNG AN TỈNH QUẢNG NGÃI”, “CÔNG AN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ”, có chữ ký giáp lai của Võ Tấn T4, Phan Thị Mỹ T3, Nguyễn Hữu K1 và hình dấu Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ);

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) vỏ mũ bảo hiểm màu trắng, đã gỡ bỏ phần nệm bên trong;

- + 01 (một) bật lửa ga màu xanh có chữ VIVA, đã qua sử dụng;
- + 01 (một) điều thuốc hiệu CARAVEN DEMI đã sử dụng một nửa, cháy xém phần đầu;
- + 01 (một) gói thuốc hiệu CARAVEN DEMI, bên trong có 08 (tám) điều thuốc chưa sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy T1 số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), theo ủy nhiệm chi ngày 27/8/2024 giữa Công an thị xã Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Duy T1 và Nguyễn Hữu K1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong